

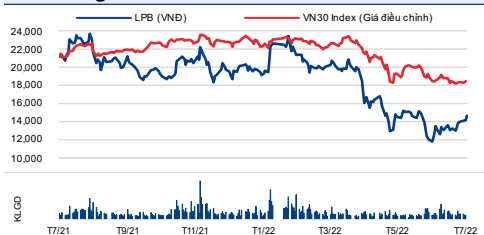
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ21,000
 Tiềm năng tăng/giảm: 43.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (21/7/2022)	14,650
Mã Bloomberg	LPB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	11,800-23,691
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	14,200
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	23,249
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	993
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,587
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	79.3
Slg CP NN được mua (tr.đv)	69.2
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	5.00%
Tỷ lệ sở hữu của NN	0.64%
Tỷ lệ freefloat	87.6%
Cổ đông lớn	Bưu điện Việt Nam (8.29%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-21A	12-22F	12-23F
Tổng tài sản (tỷ đồng)	289,194	331,139	370,117
Dư nợ cho vay (tỷ đồng)	208,954	238,208	276,321
Tổng thu nhập HĐ (tỷ đồng)	10,051	12,554	14,593
Lợi nhuận thuần (tỷ đồng)	2,873	4,067	4,872
BVPS (đồng)	13,960	15,967	18,699
EPS (đồng)	2,135	2,458	2,732
DPS (đồng)	-	-	-
Tăng trưởng dư nợ cho vay (%)	18.3	14.0	16.0
Tăng trưởng tổng thu nhập HĐ (%)	29.3	24.9	16.2
Tăng trưởng EPS (%)	55.6	15.1	11.1
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	-
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	-	-
ROAE (%)	18.5	19.3	17.7
ROAA (%)	1.08	1.31	1.39
Tỷ lệ NIM (%)	3.66	3.48	3.62
Tỷ lệ CIR (%)	50.6	43.9	42.7
Hệ số CAR (%)	10.5	11.1	12.1
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.37	1.50	1.50
LLR/nợ xấu (%)	111	127	147
Hệ số LDR (%)	116	116	116
P/B (lần)	1.05	0.92	0.78
P/E (lần)	6.86	5.96	5.36
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt được thành lập vào năm 2008, là một trong những ngân hàng trẻ nhất tại Việt Nam với cổ đông chiến lược là Tổng công ty Bưu điện Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Lê Anh Tùng, CFA
 Chuyên viên, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
 tung.leanh@hsc.com.vn
 +84 24 3933 4693 Ext. 4876

Phạm Liên Hà, CFA
 Trưởng Phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
 ha.plien@hsc.com.vn
 +84 24 3933 4693 Ext. 4852

KQKD Q2/2022 vượt xa kỳ vọng nhờ lãi không thường xuyên

- LPB đã công bố lợi nhuận thuần Q2/2022 đạt 1.435 tỷ đồng (tăng 93,7%), cao hơn nhiều kỳ vọng nhờ ghi nhận khoảng 300 tỷ đồng lãi không thường xuyên từ bán 32,8 triệu cổ phiếu STB. Lợi nhuận thuần 6 tháng đạt 2.855 tỷ đồng (tăng 76,5%), bằng 70% dự báo của HSC cho cả năm và vượt kỳ vọng.
- Tín dụng tăng tốc trong Q2/2022 (tăng 9,2% so với Q1) trong khi tỷ lệ NIM ổn định. Tỷ lệ nợ xấu giảm nhẹ còn 1,4% với chi phí dự phòng tăng mạnh 57%.
- LPB hiện có P/B dự phóng năm 2022 là 0,82 lần (bình quân nhóm NHTM tư nhân là 1,09 lần). HSC đang xem xét lại dự báo, giá mục tiêu và khuyến nghị.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2022

LPB đã công bố lợi nhuận thuần Q2/2022 đạt 1.435 tỷ đồng (tăng 93,7% so với cùng kỳ) với tổng thu nhập HĐ (tăng 55% so với cùng kỳ) tăng mạnh, chi phí HĐ (tăng 22,7% so với cùng kỳ) tăng vừa phải và chi phí dự phòng (tăng 57% so với cùng kỳ) tăng đáng kể.

Lợi nhuận thuần 6 tháng đầu năm đạt 2.855 tỷ đồng (tăng 76,5% so với cùng kỳ), bằng 70% dự báo của HSC cho cả năm 2022 và vượt kỳ vọng.

Tăng trưởng tín dụng tăng tốc

Sau khi khởi đầu chậm chạp trong Q1/2022 (giảm 0,6% so với quý trước), tổng tín dụng đã tăng tốc (tăng 9,2% so với quý trước) trong Q2/2022 và tăng 8,6% so với đầu năm. Tăng trưởng tín dụng trong Q2/2022 cao hơn một chút so với Q2/2021 (tăng 8,1% so với đầu năm) và Q2/2020 (tăng 8,2% so với đầu năm). Đáng chú ý là LPB đã không còn TPDN trong Q2/2022 từ chỉ 19 tỷ đồng trong Q1/2022.

Về mặt huy động, tổng vốn huy động tăng 2,6% so với đầu năm đạt 270 nghìn tỷ đồng, trong đó tiền gửi khách hàng tăng 3,1% so với đầu năm, giấy tờ có giá tăng 5,7% so với đầu năm trong khi vay liên ngân hàng giảm 1,4% so với đầu năm.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 26/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2022 và 6T/2022, LPB

(tỷ đồng)	Q2/21	Q2/22	%y/y	6T/21	6T/22	% y/y
Thu nhập lãi thuần	3,045	2,180	39.7%	5,921	4,231	39.9%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	303	229	32.7%	521	391	33.3%
Lãi thuần HĐ KD ngoại hối	52	(11)	n/a	38	113	(66.6%)
Lãi thuần mua bán trái phiếu	356	(1)	n/a	347	2	n/a
Thu nhập từ đầu tư vốn CP	1	-	n/a	1	-	n/a
Thu nhập khác	15	30	(49.4%)	206	38	438.0%
Thu nhập ngoài lãi	728	246	196.1%	1,113	544	104.6%
Tổng thu nhập HĐ	3,773	2,425	55.5%	7,033	4,775	47.3%
Chi phí hoạt động	(1,342)	(1,094)	22.7%	(2,495)	(2,121)	17.6%
Lợi nhuận trước TLDP	2,431	1,331	82.6%	4,538	2,653	71.0%
Chi phí dự phòng	(637)	(406)	57.0%	(949)	(616)	54.1%
LNTT	1,793	925	93.8%	3,589	2,037	76.1%
Lợi nhuận thuần	1,435	740	93.7%	2,855	1,617	76.5%

Nguồn: LPB, HSC

Tỷ lệ NIM gần như giữ nguyên

So với quý trước, tỷ lệ NIM, lợi suất gộp và chi phí huy động gần như không thay đổi trong Q2/2022. So với đầu năm, tỷ lệ NIM tăng đáng kể 58 điểm cơ bản đạt 4,31% nhờ chi phí huy động giảm (giảm 57 điểm cơ bản); chủ yếu rơi vào Q1/2022.

Điểm đáng chú ý là chi phí huy động từ tiền gửi khách hàng giảm mặc dù tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn tại thời điểm cuối Q2/2022 vẫn giữ ở 7,7%; thấp hơn đáng kể so với mức 10% tại thời điểm cuối năm 2021. LPB là một trong những NHTM tư nhân có tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn thấp nhất. LPB không có áp lực huy động vì hệ số LDR thấp, và HSC cho rằng đây là nguyên nhân chính giúp chi phí huy động của LPB đi ngược xu hướng chung của ngành. Chúng tôi cho rằng tác động từ nhân tố này có thể giảm xuống trong nửa cuối năm 2022 khi tăng trưởng tiền gửi tăng tốc.

Thu nhập ngoài lãi tăng mạnh nhờ lãi thuần HĐ dịch vụ và lãi không thường xuyên

Thu nhập ngoài lãi tăng mạnh trong quý, tăng 196% so với cùng kỳ đạt 727 tỷ đồng. Điều này là nhờ lãi thuần HĐ dịch vụ (tăng 32,7%) và 356 tỷ đồng lãi không thường xuyên từ bán chứng khoán đầu tư (trong đó chủ yếu là lãi từ bán 32,8 triệu cổ phiếu STB).

Ngoài ra, lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối đạt 52 tỷ đồng và thu nhập khác đạt 15 tỷ đồng trong Q2/2022. Với kết quả khả quan, thu nhập ngoài lãi đã đóng góp 19,3% vào tổng thu nhập HĐ Q2/2022 (Q1/2022: 11,8%).

Chi phí HĐ được kiểm soát tốt

Chi phí HĐ Q2/2022 là 1.342 tỷ đồng (tăng 22,7% so với cùng kỳ) và 6 tháng đầu năm 2022 là 2.495 tỷ đồng (tăng 17,6% so với cùng kỳ), chủ yếu vì chi phí nhân viên tăng (tăng 31,8% so với cùng kỳ trong Q2/2022 và tăng 28,5% so với cùng kỳ trong 6 tháng đầu năm 2022). Nhờ tổng thu nhập HĐ tăng mạnh, hệ số CIR Q2/2022 của LPB giảm đáng kể xuống còn 35,5% từ 50,6% tại thời điểm cuối năm 2021 và tương đương các NHTM trong danh sách khuyến nghị của HSC.

Chất lượng tài sản

Tỷ lệ nợ xấu của LPB giảm nhẹ xuống còn 1,4% từ 1,42% tại thời điểm cuối Q1/2022 nhưng vẫn cao hơn một chút so với mức 1,33% tại thời điểm cuối năm 2021. Trong khi đó, tỷ lệ nợ nhóm 2 tăng lên 1,26% từ 1,03% tại thời điểm cuối Q1/2022 và 0,79% tại thời điểm cuối Q4/2021.

Chi phí dự phòng Q2/2022 tăng mạnh 57% so với cùng kỳ lên 637 tỷ đồng, theo đó chi phí tín dụng theo năm là 1,17% (so với 0,69% trong năm 2021).

Hệ số LLR tăng lên 121,3% từ 114,2% tại thời điểm cuối Q4/2021.

Số dư lãi dự thu của LPB tiếp tục giảm 41% so với cùng kỳ xuống còn 3.882 tỷ đồng, bằng 1,3% tổng tài sản sinh lãi, giảm từ mức 2% tại thời điểm cuối năm 2021 và tương đương với bình quân ngành.

HSC đang xem xét lại dự báo, giá mục tiêu và khuyến nghị

LPB hiện có P/B dự phóng năm 2022 là 0,82 lần; chiết khấu 25% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân là 1,09 lần. HSC đang xem xét lại dự báo, giá mục tiêu và khuyến nghị..

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-20A	12-21A	12-22F	12-23F	12-24F
Thu nhập lãi	17,869	20,926	25,303	29,274	33,813
Chi phí lãi	(11,149)	(11,908)	(15,209)	(17,389)	(19,804)
Thu nhập lãi thuần	6,720	9,017	10,095	11,885	14,008
Lãi thuần HD dịch vụ	627	858	2,236	2,603	1,771
Lãi thuần HD KDNH	62.0	139	27.8	33.3	35.0
Lãi/lỗ từ mua bán CK	171	3.16	(6.74)	(8.08)	(8.49)
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.28	0	0	0	0
Thu nhập khác	190	33.7	202	80.9	64.7
Tổng thu nhập HD	7,771	10,051	12,554	14,593	15,870
Chi phí HD	(4,645)	(5,090)	(5,506)	(6,238)	(6,675)
LN trước dự phòng	3,126	4,960	7,048	8,355	9,195
Chi phí dự phòng	(699)	(1,322)	(1,833)	(2,110)	(2,328)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	2,427	3,638	5,215	6,246	6,867
Chi phí thuế TNDN	(565)	(765)	(1,147)	(1,374)	(1,511)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	1,862	2,873	4,067	4,872	5,356
EPS (đồng)	1,372	2,135	2,458	2,732	3,004
DPS (đồng)	-	-	-	-	-
Slg CP bình quân (triệu đv)	1,204	1,204	1,472	1,587	1,587
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	1,204	1,204	1,587	1,587	1,587
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,204	1,204	1,587	1,587	1,587

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-20A	12-21A	12-22F	12-23F	12-24F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	3,499	2,751	3,699	4,291	4,978
Tiền gửi tại NHNN	6,759	9,868	10,687	12,397	14,632
Tiền gửi tại các TCTD khác	13,959	22,438	27,745	30,992	34,706
Chứng khoán kinh doanh	279	233	796	1,257	1,443
Các công cụ tài chính phái sinh	218	84.8	96.7	112	130
Số dư cho vay thuần	174,356	205,783	233,680	270,236	312,921
Tổng dư nợ cho vay	176,622	208,954	238,208	276,321	320,532
Dự phòng rủi ro	(2,265)	(3,171)	(4,528)	(6,085)	(7,611)
Chứng khoán đầu tư	33,360	38,689	44,186	39,574	40,652
CK đầu tư sẵn sàng để bán	33,374	38,707	44,203	39,591	40,669
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	0	0	0	0	0
Dự phòng rủi ro	(14.3)	(17.3)	(17.3)	(17.3)	(17.3)
Đầu tư dài hạn	316	316	332	348	366
Tài sản cố định	1,621	1,584	1,727	1,900	2,052
Tài sản khác	7,975	7,446	8,190	9,009	9,910
Tổng tài sản	242,343	289,194	331,139	370,117	421,790
Nợ phải trả	228,111	272,392	305,800	340,443	387,349
Tiền gửi của NHNN	224	1,703	1,429	1,741	1,827
Tiền gửi của các TCTD khác	14,745	46,281	51,215	51,396	55,452
Tổng tiền gửi KH	174,526	180,276	205,515	238,397	276,541
Trái phiếu và CCTG	32,251	36,738	40,495	40,619	43,913
Nợ khác	6,365	7,394	7,146	8,290	9,616
Vốn chủ sở hữu	14,232	16,802	25,338	29,674	34,441
Vốn điều lệ	10,746	12,036	15,869	15,869	15,869
Thặng dư vốn cổ phần	0.06	0.06	1,083	1,083	1,083
Lợi nhuận giữ lại	1,733	2,582	5,592	9,197	13,161
Quỹ & vốn khác của CSH	1,753	2,184	2,794	3,525	4,328
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	242,343	289,194	331,139	370,117	421,790
BVPS (đồng)	11,824	13,960	15,967	18,699	21,703

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-20A	12-21A	12-22F	12-23F	12-24F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	19.9	19.3	14.5	11.8	14.0
Tăng trưởng cho vay KH (%)	25.7	18.3	14.0	16.0	16.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	27.5	3.29	14.0	16.0	16.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	25.3	4.95	13.4	13.4	14.9
Tăng trưởng VCSH (%)	13.1	18.1	50.8	17.1	16.1
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	10.9	34.2	11.9	17.7	17.9
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	15.2	9.59	8.17	13.3	7.01
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	26.3	58.7	42.1	18.5	10.0
Tăng trưởng LNTT (%)	19.0	49.9	43.3	19.8	9.95
Tăng trưởng LN thuần (%)	16.3	54.3	41.6	19.8	9.95

Chỉ số hiệu quả	12-20A	12-21A	12-22F	12-23F	12-24F
Tổng TN HD/Tổng TS BQ (%)	3.50	3.78	4.05	4.16	4.01
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(2.09)	(1.92)	(1.78)	(1.78)	(1.69)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	92.4	92.8	93.4	93.6	93.7
Tổng TN HD/nhân viên (tỷ đồng)	0.78	0.94	1.18	1.42	1.38
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	3.32	4.88	6.85	8.13	8.87

Chỉ số định giá	12-20A	12-21A	12-22F	12-23F	12-24F
P/E (lần)	10.7	6.86	5.96	5.36	4.88
P/B (lần)	1.24	1.05	0.92	0.78	0.68
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-	-	-

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-20A	12-21A	12-22F	12-23F	12-24F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HD (%)	24.0	28.6	32.4	33.4	33.8
ROAA (%)	0.84	1.08	1.31	1.39	1.35
ROAE (%)	13.9	18.5	19.3	17.7	16.7
Chi phí huy động BQ (%)	5.51	4.89	5.40	5.51	5.58
Lợi suất góp BQ (%)	8.71	8.49	8.73	8.92	9.11
Lợi suất thuần (%)	3.20	3.59	3.34	3.41	3.54
Tỷ lệ NIM (%)	3.27	3.66	3.48	3.62	3.78
TN lãi thuần/Tổng TN HD (%)	8.07	8.54	17.8	17.8	11.2
Lãi thuần HD DV/Tổng TN HD (%)	86.5	89.7	80.4	81.4	88.3
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HD (%)	13.5	10.3	19.6	18.6	11.7
Tỷ lệ CIR (%)	59.8	50.6	43.9	42.7	42.1
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	-	-	-	-

Chỉ số an toàn vốn	12-20A	12-21A	12-22F	12-23F	12-24F
Hệ số CAR (%)	10.8	10.5	11.1	12.1	11.9
VCSH/Tổng TS (%)	5.87	5.81	7.65	8.02	8.17
Đòn bẩy vốn (lần)	17.0	17.2	13.1	12.5	12.2

Chỉ số chất lượng tài sản	12-20A	12-21A	12-22F	12-23F	12-24F
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.43	1.37	1.50	1.50	1.50
Hệ số LLR (%)	89.6	111	127	147	158

Chỉ số thanh khoản	12-20A	12-21A	12-22F	12-23F	12-24F
Hệ số LDR (%)	101	116	116	116	116
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	6.66	17.6	17.2	15.6	14.8
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	72.9	72.3	71.9	74.7	76.0

Quy mô	12-20A	12-21A	12-22F	12-23F	12-24F
Số chi nhánh, phòng GD	560	589	594	599	604
Số lượng nhân viên	9,946	10,649	10,641	10,308	11,467

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn